

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Khái quát cấu tạo cơ thể người, cấu tạo của tế bào và các loại mô.
- Cấu tạo và tính chất của xương và cơ.
- Thực hành: Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng làm bài, trình bày khoa học.
- Vận dụng kiến thức về cấu tạo và tính chất của xương, cơ để giải thích một số vấn đề trong thực tế.

3. Thái độ

- Yêu thích môn học, ý thức tự giác, độc lập trong kiểm tra.
- Giữ gìn vệ sinh các hệ cơ quan trong cơ thể.

II. Ma trận đề

Chủ đề	Mức độ, kiến thức, kỹ năng			
	Biết 40%	Hiểu 40%	Vận dụng 20%	Tổng
	TN	TN	TN	
1. Khái quát cấu tạo cơ thể người	2 Câu(0,3đ) 6 Câu(0,35đ)	1 Câu(0,3đ) 7 Câu(0,35đ)	3 Câu(0,35đ)	19 Câu(6,5đ)
2. Hệ vận động	2 Câu(0,3đ) 2 Câu(0,35đ)	3 Câu(0,3đ) 1 Câu(0,35đ)	2 Câu(0,3đ) 1 Câu(0,35đ)	11 câu(3,5đ)
Tổng	12 Câu 4đ	12 Câu 4đ	6 Câu 2đ	30 Câu 10đ

NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Trần Thị Vinh

Trần Thị Nguyên

**PHÊ DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Mã đề 01

Môn thi: SINH HỌC 8

Ngày thi: 28/10/2021

Thời gian làm bài: 45 phút

PHẦN I/20 câu (mỗi câu 0,35 điểm)

Câu 1. Thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào gồm:

- A. màng sinh chất, ti thể, nhân
B. chất tế bào, riboxon, nhân con
C. nhân, chất tế bào, trung thể
D. màng sinh chất, chất tế bào, nhân

Câu 2. Bào quan nào có vai trò điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào ?

- A. Bộ máy Gôngi
B. Lục lạp
C. Nhân
D. Trung thể

Câu 3. Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các noron thành 3 loại : noron hướng tâm, noron trung gian và noron li tâm ?

- A. Hình thái
B. Tuổi thọ
C. Chức năng
D. Cấu tạo

Câu 4. Bộ phận có vai trò giúp tế bào thực hiện trao đổi chất với môi trường là

- A. màng sinh chất
B. chất tế bào
C. màng sinh chất, nhân
D. màng sinh chất, tế bào và nhân

Câu 5. Ở người, khoang bụng và khoang ngực ngăn cách nhau bởi bộ phận nào ?

- A. Cơ hoành
B. Cơ ức đòn chũm
C. Cơ liên sườn
D. Cơ nhị đầu

Câu 6. Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở người mà không có ở động vật khác ?

1. Biết dùng lửa để nấu chín thức ăn.
2. Đi bằng hai chân.
3. Có ngôn ngữ và tư duy trừu tượng.
4. Răng phân hóa.
5. Phần thân có hai khoang : khoang ngực và khoang bụng.

- A. 1, 3, 4.
B. 1, 3.
C. 2, 4, 5.
D. 1, 2, 5.

Câu 7. Mô là

- A. tập hợp các cấu trúc có cùng chức năng.
B. tập hợp các cấu trúc trong tế bào có cấu tạo gần giống nhau.
C. tập hợp các tế bào chuyên hoá, có cấu tạo giống nhau và đảm nhận những chức năng nhất định.
D. tập hợp các tế bào có chức năng bảo vệ.

Câu 8. Mô biểu bì có đặc điểm chung là

- A. xếp xít nhau phủ ngoài cơ thể hoặc lót trong các cơ quan
B. liên kết các tế bào nằm rải rác trong cơ thể

C. có khả năng co dẫn tạo nên sự vận động

D. tiếp nhận kích thích và xử lý thông tin

Câu 9. Trong cơ thể người có các loại mô chính:

A. mô cơ, mô biểu bì, mô liên kết và mô thần kinh.

B. mô cơ, mô mỡ, mô liên kết và mô thần kinh.

C. mô cơ, mô xương, mô liên kết và mô thần kinh.

D. mô cơ, mô mỡ, mô liên kết, mô xương.

Câu 10. Nơron có hai chức năng cơ bản, đó là gì?

A. Cảm ứng và phân tích các thông tin

B. Dẫn truyền xung thần kinh và xử lý thông tin

C. Cảm ứng và dẫn truyền xung thần kinh

D. Tiếp nhận và trả lời kích thích

Câu 11. Xương to ra về bề ngang là nhờ

A. sự phân chia của mô xương cứng.

B. sự phân chia của tế bào màng xương.

C. mô xương xốp.

D. tẩm sụn ở hai đầu xương.

Câu 12. Cấu tạo của thân xương lần lượt từ ngoài vào trong gồm:

A. xương cứng, màng xương và khoang xương

B. màng xương, khoang xương và xương cứng

C. màng xương, xương cứng và khoang xương

D. khoang xương, xương cứng và màng xương

Câu 13. Để tìm hiểu về cơ thể người, chúng ta có thể sử dụng phương pháp nào sau đây ?

1. Quan sát tranh ảnh, mô hình... để hiểu rõ đặc điểm hình thái, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể.

2. Tiến hành làm thí nghiệm để tìm ra những kết luận khoa học về chức năng của các cơ quan trong cơ thể.

3. Vận dụng những hiểu biết khoa học để giải thích các hiện tượng thực tế, đồng thời áp dụng các biện pháp vệ sinh và rèn luyện thân thể.

A. 1, 2, 3

B. 1, 2

C. 1, 3

D. 2, 3

Câu 14. Biện pháp làm tăng cường khả năng làm việc của cơ là:

A. tập thể dục thường xuyên

B. uống nhiều nước

C. nên làm việc nhẹ để không bị hao phí năng lượng

D. phải tạo môi trường đủ axit

Câu 15. Khoang ngực chứa các cơ quan

- A. tim và phổi
- B. tim, gan, ruột, dạ dày
- C. dạ dày, ruột, gan
- D. dạ dày và ruột

Câu 16. Trong tế bào, bào quan có vai trò tạo ra năng lượng cho tế bào hoạt động là:

- A. hạt ribôxôm
- B. ti thể
- C. bộ máy gôngi
- D. lưới nội chất.

Câu 17. Hoạt động sống của tế bào gồm:

- A. trao đổi chất, lớn lên, phân chia, cảm ứng.
- B. trao đổi chất, tổng hợp, phân chia.
- C. trao đổi chất, cảm ứng, giải phóng năng lượng
- D. trao đổi chất, phân chia, cảm ứng.

Câu 18. Phản xạ là

- A. phản ứng của cơ thể động vật trước sự tác động của môi trường
- B. phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích tác động vào cơ thể
- C. phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích từ môi trường bên ngoài hay bên trong cơ thể thông qua hệ thần kinh
- D. những hành động tự nhiên mà cơ thể đáp trả lại các kích thích tác động

Câu 19. Trong cơ thể người, loại mô nào có chức năng nâng đỡ và là cầu nối giữa các cơ quan?

- A. Mô cơ
- B. Mô thần kinh
- C. Mô biểu bì
- D. Mô liên kết

Câu 20. Bộ xương người được chia làm mấy phần? Đó là những phần nào?

- A. 3 phần: xương đầu, xương thân, xương các chi
- B. 4 phần: xương đầu, xương thân, xương tay, xương chân.
- C. 2 phần: xương đầu, xương thân
- D. 3 phần: xương đầu, xương cổ, xương thân

PHẦN II/10 câu (mỗi câu 0,3 điểm)

Câu 21. Trong cơ thể người, loại tế bào nào có kích thước dài nhất ?

- A. Tế bào thần kinh
- B. Tế bào cơ vân
- C. Tế bào xương
- D. Tế bào da

Câu 22. Loại xương nào dưới đây được xếp vào nhóm xương dài?

A. Xương đùi. B. Xương chậu. C. Xương sống. D. Xương hộp sọ.

Câu 23. Hệ cơ quan nào dưới đây phân bố ở hầu hết mọi nơi trong cơ thể người ?

- A. Hệ tuần hoàn B. Hệ hô hấp
C. Hệ tiêu hóa D. Hệ bài tiết

Câu 24. Xương trẻ nhỏ khi gãy thì mau liền hơn vì

- A. thành phần cốt giao ít hơn chất khoáng.
B. chưa có thành phần cốt giao.
C. chưa có thành phần khoáng.
D. thành phần cốt giao nhiều hơn chất khoáng.

Câu 25. Hiện tượng mỗi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào ?

- A. Axit axêtit B. Axit lactic C. Axit malic D. Axit acrylic

Câu 26. Trong các khớp sau: khớp ngón tay, khớp gối, khớp sọ, khớp đốt sống thắt lưng, khớp khuỷu tay. Có bao nhiêu khớp thuộc dạng khớp động?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 27. Cơ thể người có khoảng bao nhiêu cơ ?

- A. 400 cơ B. 600 cơ C. 800 cơ D. 500 cơ

Câu 28. Xương dài ra là nhờ sự phân chia của tế bào:

- A. Mô xương xốp B. Sụn tăng trưởng
C. Màng xương D. Mô xương cứng.

Câu 29. Những đặc điểm nào dưới đây thể hiện sự tiến hóa của người hơn thú?

1. Tỷ lệ sọ não/mặt lớn 2. Không có lông cằm xương mặt
3. Cột sống cong hình cung 4. Lồng ngực nở sang 2 bên
5. Xương gót nhỏ 6. Xương chậu nở rộng

Các đáp án đúng là:

- A. 1,4,6 B. 2,3,5 C. 1,4,5 D. 2,4,6

Câu 30. Yếu tố nào dưới đây đóng vai trò cốt lõi, giúp con người bớt lệ thuộc vào thiên nhiên ?

- A. Bộ não phát triển
B. Lao động
C. Sống trên mặt đất
D. Di chuyển bằng hai chân

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY

BIỂU ĐIỂM & ĐÁP ÁN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: **SINH HỌC 8**

Ngày thi: **28/10/2021**

Thời gian làm bài: **45 phút**

Mã đề 01

1. Biểu điểm

- Từ câu 1 đến câu 20: mỗi câu trả lời đúng được 0,35 điểm
- Từ câu 21 đến câu 30: mỗi câu trả lời đúng được 0,3 điểm

2. Đáp án

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ/A	D	C	C	A	A	B	C	A	A	C
CÂU	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ/A	B	C	A	A	A	B	A	C	D	A
CÂU	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đ/A	A	A	A	D	B	B	B	B	A	B

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY

Mã đề 02

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: SINH HỌC 8

Ngày thi: 28/10/2021

Thời gian làm bài: 45 phút

PHẦN I/20 câu (mỗi câu 0,35 điểm)

Câu 1: Tế bào gồm có bao nhiêu bộ phận chính ?

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 2: Cấu tạo tế bào gồm

- A. màng sinh chất, ribôxôm, ti thể.
B. màng sinh chất, chất tế bào, nhân.
C. màng sinh chất, chất tế bào, gôngi.
D. màng sinh chất, ti thể, nhân.

Câu 3: Bộ phận đóng vai trò điều khiển các hoạt động sống của tế bào là

- A. lưới tế bào B. chất tế bào C. nhân tế bào D. bộ phận khác

Câu 4. Chức năng của màng sinh chất là

- A. tiếp nhận thông tin từ bên ngoài vào tế bào
B. trao đổi chất với môi trường xung quanh
C. ngăn không cho các chất trong tế bào đi ra
D. giữ tế bào không bị mất nước

Câu 5. Mô là

- A. tập hợp các cấu trúc có cùng chức năng.
B. tập hợp các cấu trúc trong tế bào có cấu tạo gần giống nhau.
C. tập hợp các tế bào chuyên hoá, có cấu tạo giống nhau và đảm nhận những chức năng nhất định.
D. tập hợp các tế bào có chức năng bảo vệ.

Câu 6: Mô biểu bì có đặc điểm chung là

- A. xếp sát nhau phủ ngoài cơ thể hoặc lót trong các cơ quan
B. liên kết các tế bào nằm rải rác trong cơ thể
C. có khả năng co dãn tạo nên sự vận động.
D. tiếp nhận kích thích và xử lý thông tin.

Câu 7: Phản xạ là

- A. phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích của môi trường thông qua hệ thần kinh.
- B. phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích của môi trường nhờ các chất hoá học
- C. khả năng trả lời kích thích.
- D. khả năng thu nhận kích thích.

Câu 8. Noron có hai chức năng cơ bản, đó là gì?

- A. Cảm ứng và phân tích các thông tin
- B. Dẫn truyền xung thần kinh và xử lý thông tin
- C. Cảm ứng và dẫn truyền xung thần kinh
- D. Tiếp nhận và trả lời kích thích

Câu 9. Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các noron thành 3 loại : noron hướng tâm, noron trung gian và noron li tâm ?

- A. Hình thái
- B. Tuổi thọ
- C. Chức năng
- D. Cấu tạo

Câu 10. Hoạt động sống của tế bào gồm:

- A. trao đổi chất, lớn lên, phân chia, cảm ứng.
- B. trao đổi chất, tổng hợp, phân chia.
- C. trao đổi chất, cảm ứng, giải phóng năng lượng
- D. trao đổi chất, phân chia, cảm ứng.

Câu 11: Cơ quan dưới đây có trong khoang bụng là

- A. ruột
- B. phổi
- C. khí quản
- D. thực quản

Câu 12: Vai trò tiếp nhận và trả lời kích thích của môi trường, điều hoà hoạt động các cơ quan là của hệ cơ quan nào?

- A. Hệ vận động
- B. Hệ tuần hoàn
- C. Hệ bài tiết
- D. Hệ thần kinh

Câu 13. Cấu tạo của thân xương lần lượt từ ngoài vào trong gồm:

- A. xương cứng, màng xương và khoang xương
- B. màng xương, khoang xương và xương cứng
- C. màng xương, xương cứng và khoang xương
- D. khoang xương, xương cứng và màng xương

Câu 14. Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở người mà không có ở động vật khác ?

- 1. Biết dùng lửa để nấu chín thức ăn.
- 2. Đi bằng hai chân.
- 3. Có ngôn ngữ và tư duy trừu tượng.
- 4. Răng phân hóa.
- 5. Phân thân có hai khoang : khoang ngực và khoang bụng.

- A. 1, 3, 4.
- B. 1, 3.
- C. 2, 4, 5.
- D. 1, 2, 5.

Câu 15. Trong cơ thể người có các loại mô chính:

- A. mô cơ, mô biểu bì, mô liên kết và mô thần kinh.

- B. mô cơ, mô mỡ, mô liên kết và mô thần kinh.
- C. mô cơ, mô xương, mô liên kết và mô thần kinh.
- D. mô cơ, mô mỡ, mô liên kết, mô xương.

Câu 16. Ở xương dài, màng xương có chức năng gì ?

- A. Giúp giảm ma sát khi chuyển động
- B. Giúp xương dài ra
- C. Giúp xương phát triển to về bề ngang
- D. Giúp dự trữ các chất dinh dưỡng

Câu 17. Để tìm hiểu về cơ thể người, chúng ta có thể sử dụng phương pháp nào sau đây ?

1. Quan sát tranh ảnh, mô hình... để hiểu rõ đặc điểm hình thái, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể.

2. Tiến hành làm thí nghiệm để tìm ra những kết luận khoa học về chức năng của các cơ quan trong cơ thể.

3. Vận dụng những hiểu biết khoa học để giải thích các hiện tượng thực tế, đồng thời áp dụng các biện pháp vệ sinh và rèn luyện thân thể.

- A. 1, 2, 3 B. 1, 2 C. 1, 3 D. 2, 3

Câu 18. Biện pháp làm tăng cường khả năng làm việc của cơ là:

- A. tập thể dục thường xuyên
- B. uống nhiều nước
- C. nên làm việc nhẹ để không bị hao phí năng lượng
- D. phải tạo môi trường đủ axit

Câu 19. Bộ xương người được chia làm mấy phần? Đó là những phần nào?

- A. 3 phần: xương đầu, xương thân, xương các chi
- B. 4 phần: xương đầu, xương thân, xương tay, xương chân.
- C. 2 phần: xương đầu, xương thân
- D. 3 phần: xương đầu, xương cổ, xương thân

Câu 20. Khoang ngực chứa các cơ quan

- A. tim và phổi
- B. tim, gan, ruột, dạ dày
- C. dạ dày, ruột, gan
- D. dạ dày và ruột

PHẦN II/10 câu (mỗi câu 0,3 điểm)

Câu 21. Trong tế bào, bào quan có vai trò tạo ra năng lượng cho tế bào hoạt động là:

A. hạt ribôxôm B. ti thể C. bộ máy gôngi D. lưới nội chất.

Câu 22. Trong cơ thể người, loại mô nào có chức năng nâng đỡ và là cầu nối giữa các cơ quan?

A. Mô cơ B. Mô thần kinh C. Mô biểu bì D. Mô liên kết

Câu 23. Hệ cơ quan nào có vai trò vận chuyển các chất dinh dưỡng đến cơ quan trong cơ thể ?

A. Hệ tiêu hoá B. Hệ hô hấp C. Hệ tuần hoàn D. Hệ bài tiết.

Câu 24. Khi chạy có những hệ cơ quan nào hoạt động?

1. Hệ tuần hoàn 2. Hệ hô hấp
3. Hệ bài tiết 4. Hệ thần kinh
5. Hệ nội tiết 6. Hệ sinh dục
7. Hệ vận động

Chọn câu trả lời đúng trong các câu sau

A. 1,2,3,4,5,7 B. 1,2,3,4,5,6
C. 1,2,3,4,6,7 D. 1,3,4,5,6,7

Câu 25. Xương dài nhất trong cơ thể người là

A. xương sống B. xương đùi.
C. xương cánh tay. D. xương sườn.

Câu 26. Xương dài ra là nhờ

A. Các tế bào màng xương phân chia tạo ra những tế bào mới đẩy vào trong và hoá xương.
B. Các mô xương cứng phân chia tạo ra những tế bào.
C. Các mô xương xốp phân chia tạo ra những tế bào.
D. Sự phân chia của các tế bào lớp sụn tăng trưởng.

Câu 27. Hiện tượng mỗi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào ?

A. Axit axêtit B. Axit lactic C. Axit malic D. Axit acrylic

Câu 28. Trong các khớp sau: khớp ngón tay, khớp gối, khớp sọ, khớp đốt sống thắt lưng, khớp khuỷu tay. Có bao nhiêu khớp thuộc dạng khớp động?

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 29. Yếu tố nào dưới đây đóng vai trò cốt lõi, giúp con người bớt lệ thuộc vào thiên nhiên ?

A. Bộ não phát triển
B. Lao động

C. Sống trên mặt đất

D. Di chuyển bằng hai chân

Câu 30. Những đặc điểm nào dưới đây thể hiện sự tiến hóa của người hơn thú?

1. Tỷ lệ sọ não/mặt lớn

2. Không có lông cằm xương mặt

3. Cột sống cong hình cung

4. Lông ngực nở sang 2 bên

5. Xương gót nhỏ

6. Xương chậu nở rộng

Các đáp án đúng là:

A. 1,4,6

B. 2,3,5

C. 1,4,5

D. 2,4,6

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY

BIỂU ĐIỂM & ĐÁP ÁN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2021 – 2022

Môn thi: **SINH HỌC 8**

Ngày thi: **28/10/2021**

Thời gian làm bài: **45 phút**

Mã đề 02

1. Biểu điểm

- Từ câu 1 đến câu 20: mỗi câu trả lời đúng được 0,35 điểm
- Từ câu 21 đến câu 30: mỗi câu trả lời đúng được 0,3 điểm

2. Đáp án

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ/A	C	B	C	B	C	A	A	C	C	A
CÂU	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ/A	A	D	C	B	A	C	A	A	A	A
CÂU	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đ/A	B	D	C	A	B	D	B	B	B	A